

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **328/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-6-2020

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Trại

Ông Tạ Công Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 759/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Lê Việt H1**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T2, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:**

Chị và anh Lê Việt H1 kết hôn với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã LD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang ngày 10/6/2005, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân là do anh H1 không có trách nhiệm với vợ con và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên cò bạc, dù chị đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh H1 vẫn không thay đổi nên năm 2018 chị có khởi kiện xin ly hôn, sau đó do anh H1 hứa sửa đổi nên chị rút đơn khởi kiện để anh H1 thay đổi và hàn gắn lại vợ chồng cùng chăm lo cho gia đình. Nhưng từ đó đến nay anh H1 không thay đổi, vợ chồng mỗi người sống một nơi, anh H1 không phụ giúp gì cho gia đình, giữa vợ chồng không có liên lạc với nhau, chị và anh H1 vẫn không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9/2019 đến nay.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn anh Lê Việt H1;

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 07/10/2008 và Lê Vĩnh P, sinh ngày 16/12/2013 hiện đang ở chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị H đồng ý việc anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu V và cháu P đủ 18 tuổi.

*** Tại Bản tự khai cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn – anh Lê Việt H1 trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của Chị H về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng do hoàn cảnh mới sống xa nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do Chị H ghen tuông anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh có giải thích nhưng Chị H không hiểu cho anh nên vợ chồng có lời qua tiếng lại nhưng không đến mức trầm trọng, hiện vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 đến nay là do vợ anh hiểu lầm anh với người khác nên Chị H tránh không gặp mặt anh.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn để vợ chồng chung sống với nhau cùng lo cho các con còn đang độ tuổi đang lớn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh

ngày 07/10/2008 và Lê Vĩnh P, sinh ngày 16/12/2013 hiện đang ở chung với chị, trường hợp ly hôn, anh H1 đồng ý để Chị H tiếp tục nuôi 02 con chung, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H, về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 07/10/2008 và Lê Vĩnh P, sinh ngày 16/12/2013 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Việt H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng H xin ly hôn với anh Lê Việt H1 có địa chỉ tại ấp Tây 2, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn - anh Lê Việt H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do chính đáng, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 10/6/2005. Chị H, anh H1 có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Lê Việt H1 là hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 vì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng hiện đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Thời gian mâu thuẫn đã lâu nên tháng 02/2018 Chị H đã nộp

đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H1, nhưng sau đó anh H1 hứa hẹn sẽ thay đổi bản thân để vợ chồng cùng chăm lo cho con cái nên Chị H cho anh H1 cơ hội hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau. Tuy nhiên, sau thời gian này, anh H1 không thay đổi, vẫn chứng nào tật nấy, không quan tâm chăm sóc gia đình mà để chị một mình chăm lo cho gia đình, con cái, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến chị đã không còn lòng tin đối với anh H1, vợ chồng không tìm được cách giải quyết để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Lời trình bày của Chị H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét mối quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh H1 đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Lê Việt H1 có 02 02 con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 07/10/2008 và Lê Vĩnh P, sinh ngày 16/12/2013. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, từ trước đến nay, Chị H là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt, học tập cho cháu V và cháu P, hiện cháu V và cháu P đang do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng cháu V là được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của hai cháu, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của Chị H là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng H là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh Lê Việt H1 cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Việt H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/mỗi cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, Chị H đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh H1 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 thống nhất trình bày không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh Lê Việt H1 phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 35, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hồng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Lê Việt H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 07/10/2008 và Lê Vĩnh P, sinh ngày 16/12/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Việt H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/mỗi cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Anh Lê Việt H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Hồng H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 01540 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên đã nộp xong.

Anh Lê Việt H1 phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H. Châu Thành-TG;
- THADS H. Châu Thành-TG;
- UBND xã Long Định-Châu Thành-TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

NGUYỄN THỊ MAI THANH